

SUY NGHĨ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC SƯ PHẠM: NHÀ TRƯỜNG DẠY CÁI GÌ HAY DẠY CÁI XÃ HỘI CẦN?

NGUYỄN CHÍ TRUNG*

Ngày nhận bài: 09/11/2016; ngày sửa chữa: 20/11/2016; ngày duyệt đăng: 01/12/2016.

Abstract: Teaching staff plays the decisive role in education reform, including teaching method innovation. To fulfil the fundamental and comprehensive education reform, teaching staff must be equipped not only knowledge but also professional skills. However, training teachers at pedagogical universities in Vietnam is far from requirements of society. Curricula at pedagogical universities are more theoretical instead of self-learning and to research. Therefore, it is necessary to change an exam and role-based education and the pedagogical universities must do first and share with society.

Keywords: Teacher training, life skills, pedagogical university, students, teachers.

1. Đặt vấn đề

Định hướng đổi mới phương pháp dạy và học đã được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (1/1993), Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (12/1996), được thể chế hóa trong **Luật Giáo dục** (12/1998), được cụ thể hóa trong các chỉ thị của Bộ GD - ĐT, đặc biệt là Quyết định số 15/1999/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT: Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT Về việc đẩy mạnh hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trong các trường sư phạm.

Luật Giáo dục, điều 24.2, đã ghi: "*Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh (HS); phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS*". Có thể nói, cốt lõi của đổi mới dạy và học là hướng tới hoạt động học tập chủ động, chống lại thói quen học tập thụ động.

Trong quá trình dạy học, người học vừa là đối tượng của hoạt động dạy, lại vừa là chủ thể nhận thức của hoạt động học. Dưới sự chỉ đạo của thầy, người học phải tích cực chủ động thay đổi chính mình về kiến thức, kỹ năng, thái độ, hoàn thiện nhân cách. Người thầy đóng vai trò hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo HS tiến hành các hoạt động học tập phát hiện kiến thức mới, vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết vào các tình huống học tập hoặc tình huống thực tiễn... Giáo viên (GV) phải có kiến thức đa dạng về các đề tài giảng dạy

đồng thời phải có khả năng truyền tải những kiến thức vào bài soạn, vào lối trình bày giản dị sáng tỏ, áp dụng vào bài làm, vào bài ôn tập, vào cách thức đánh giá cũng như các hoạt động khác của việc dạy học. GV phải nắm vững yêu cầu nội dung giáo dục, nắm vững kiến thức và kỹ năng cần truyền đạt đến HS để thiết kế dẫn dắt HS đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ ít đến nhiều.

Trong dạy học, quá trình học có vai trò then chốt trong việc hình thành kiến thức, kỹ năng cho HS. Quá trình học tạo thói quen trí tuệ, kỹ năng phân tích vấn đề, khả năng tiếp thu, diễn đạt, tổ chức xử lý thông tin. Thói quen học tập là rất quan trọng trong giáo dục. Nội dung dạy học rất đa dạng và thay đổi theo thời gian, vì vậy dạy học là khai thác và tận dụng tối đa nội lực của HS để họ có khả năng tự học suốt đời. GV hiện nay không còn là người truyền thụ kiến thức mà là người tổ chức, hướng dẫn HS lựa chọn và xử lý thông tin. Vị trí của nhà giáo không phải được xác định bằng sự độc quyền về thông tin và tri thức có tính đẳng cấp, mà là bằng trí tuệ và sự từng trải của mình trong quá trình dẫn dắt HS tự học.

Như vậy có thể thấy, GV không chỉ cần có kiến thức chuyên sâu, đa dạng nhiều lĩnh vực mà cần có rất nhiều kỹ năng để đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo định hướng mới. Vậy thực tế việc đào tạo GV tại các trường đại học thực sự đang diễn ra như thế nào?

* Trường Đại học Sư phạm

2. Nội dung

2.1. Nội dung chương trình chưa thực sự hướng tới hình thành kĩ năng

Chương trình đào tạo ở các trường đại học chủ yếu là xây dựng trên tinh thần giảng dạy chuyên sâu vào các môn chuyên ngành, khối lượng kiến thức cung cấp cho sinh viên (SV) rất lớn nhưng kĩ năng cần thiết cho SV để làm việc lại rất thiếu. SV ra trường hiện nay có kiến thức nhưng thiếu kĩ năng, đặc biệt là những kĩ năng cần thiết để làm việc. Rất nhiều SV nghĩ rằng, các nhà tuyển dụng chỉ cần tuyển người có năng lực chuyên môn, vi tính thành thạo, ngoại ngữ bằng A, B, C.... Chính vì thế có rất nhiều bạn đi học thêm bằng này, chúng chỉ kia nhưng không biết rằng nhà tuyển dụng ngoài việc năng lực chuyên môn họ luôn chú trọng đến các kĩ năng làm việc, kĩ năng giao tiếp, ứng xử, kĩ năng làm việc theo nhóm, khả năng lập kế hoạch mục tiêu, xử lý nhanh những khó khăn trong tình huống bất ngờ.... Những kĩ năng này SV mới ra trường là chưa hình thành nên không muốn nói là không có.

Trong chương trình đào tạo của các trường đại học khối ngành sư phạm việc đào tạo kĩ năng cho SV được giao khoán cho bộ môn phương pháp dạy học (PPDH). Hiện nay, môn phương pháp đã thay đổi rất nhiều về nội dung cũng như thời lượng trong tổng thể chương trình đào tạo. Ví dụ từ năm 2014 về trước thời lượng cho bộ môn PPDH trong chương trình đào tạo của Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chỉ là 10 đơn vị học trình đối với đào tạo niên chế (5 đơn vị học trình cho PPDH văn và 5 đơn vị học trình cho PPDH tiếng Việt) và 8 tín chỉ đối với đào tạo tín chỉ (2 tín chỉ cho môn lí luận chung về PPDH Ngữ văn, 3 tín chỉ cho môn lí luận và PPDH văn, 3 tín chỉ cho môn Lí luận và PPDH tiếng Việt). Năm 2014 chương trình đào tạo có sự thay đổi căn bản, toàn diện, thời lượng và định hướng đối với bộ môn phương pháp cũng thay đổi. Tổng thời lượng chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngữ văn 135 tín chỉ thì có tới 34 tín chỉ dành cho khối kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Định hướng của môn phương pháp cũng cụ thể hơn rất nhiều, có 2 tín chỉ cho môn lí luận chung về PPDH Ngữ văn, 3 tín chỉ cho môn Phương pháp phát triển năng lực ngữ văn cho HS và 3 tín chỉ cho môn Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn. Bên cạnh đó chương trình còn dành thời lượng cho các môn Thực hành nghề, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, Giao tiếp sư phạm... Tuy đã có nhiều thay đổi tích cực, nhưng trên thực tế có thể thấy chương trình

đào tạo vẫn nặng về lí thuyết hay nói cách khác là thầy cô vẫn dạy cái thầy cô có chứ chưa thực sự quan tâm đến dạy cái xã hội cần. SV cơ bản phải tự túc rèn luyện kĩ năng mềm để đáp ứng được yêu cầu đổi mới của chương trình ở các cấp học.

Trên thực tế tồn tại một nghịch lí là có những SV tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc vẫn rơi vào tình trạng thất nghiệp, trong khi nhiều SV cầm bằng điểm “khiêm tốn” hơn lại dễ dàng tìm được việc làm. Giải thích hiện tượng này, các chuyên gia cho rằng uy tín của trường đại học là điểm thu hút đầu tiên đối với thí sinh nhưng chất lượng đào tạo mới là chìa khóa then chốt. Chất lượng đó không chỉ thể hiện ở khối lượng kiến thức SV đạt được vì chương trình đào tạo của các trường thường tương đương nhau về kiến thức, sự khác biệt chính là chiến lược trang bị kĩ năng mềm và kĩ năng thực tế cho SV.

2.2. Việc đào tạo kĩ năng chưa đồng đều ở các bộ môn

Khi SV sau khi ra trường cần rất nhiều kĩ năng mềm để đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng thì khi ở trong trường đại học SV lại không được đào tạo những kĩ năng này. SV các trường sư phạm cũng vậy, mặc dù đã có một bộ môn chuyên về PPDH, có cả trung tâm nghiệp vụ sư phạm nhưng những kĩ năng để đào tạo nghề cho GV còn thiếu đồng bộ ở tất cả các bộ môn. Trên thực tế ngay sau khi trở thành GV (tốt nghiệp ngành sư phạm và được đi dạy) GV không chỉ đáp ứng những yêu cầu về kiến thức mà còn phải là người tổ chức hoạt động học tập của HS, phát huy tính tích cực chủ động của HS, dẫn dắt HS tự chiếm lĩnh tri thức. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra nhưng đặc trưng cơ bản của việc dạy học phát triển năng lực cho HS như sau:

- Dạy học thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập, giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn. GV là người tổ chức, chỉ đạo HS tiến hành các hoạt động học tập phát hiện kiến thức mới, vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết vào các tình huống học tập hoặc tình huống thực tiễn...

- Chú trọng rèn luyện cho HS biết khai thác sách giáo khoa và các tài liệu học tập, biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới... Định hướng cho HS cách tư duy như phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự, quy lạ về quen... để dần hình thành và phát triển tiềm năng sáng tạo.

- Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác, lớp học trở thành môi trường giao tiếp GV-HS và HS-HS nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

- Chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình dạy học thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập (đánh giá lớp học). Chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS với nhiều hình thức như theo lời giải/đáp án mẫu, theo hướng dẫn, hoặc tự xác định tiêu chí để có thể phê phán, tìm được nguyên nhân và nêu cách sửa chữa các sai sót.

Trong các trường sư phạm ai là người dạy SV làm được những việc này? Việc này đã mặc nhiên được “giao khoán” cho các thầy cô của bộ môn phương pháp. Hơn nữa giảng viên ở bộ môn phương pháp phải gắn bó với phổ thông mới có thể giúp SV giải quyết được những vấn đề gặp phải sau khi ra trường. Trên thực tế không phải thầy cô nào dạy phương pháp cũng gắn bó với phổ thông. Vấn đề này còn phụ thuộc vào cơ sở vật chất của các trường sư phạm có đáp ứng được nhu cầu của người dạy và người học hay không. Không phải trường sư phạm nào cũng có một hệ thống trường phổ thông thực hành như trường Đại học sư phạm Hà Nội. Một vấn đề nữa cần đặt ra là chỉ bộ môn phương pháp đóng vai trò đào tạo kỹ năng cho SV liệu đủ hay chưa? Chúng tôi nghĩ rằng việc đào tạo kỹ năng cho SV cần phải đồng đều ở tất cả các bộ môn. Các bộ môn khác ở các khoa trong các trường sư phạm chủ yếu dạy theo tinh thần nội kiến thức càng nhiều càng tốt, kiểm tra đáng giá cũng là kiểm tra kiến thức. Chính vì thế, SV có kiến thức nhưng lại cùn mòn về kỹ năng.

2.3. Cách đánh giá chưa phản ánh đúng thực lực của SV

Cách đây hơn 10 năm, việc học đại học ra trường với tấm bằng xếp loại khá đã là chấp nhận được, các tân cử nhân có thể cầm bằng tự tin đi nộp hồ sơ xin việc. Cùng thời điểm đó những SV có được bằng loại giỏi thì cơ hội việc làm rất tốt, có thể lựa chọn điểm đến cho mình. Một thời gian sau không biết là trình độ SV lên cao hay là đánh giá của GV hạ thấp tiêu chí mà số lượng bằng giỏi ngày một nhiều lên và bắt đầu có SV ra trường với bằng đạt loại xuất sắc. Sau khi thay đổi chương trình đào tạo từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ thì số lượng SV ra trường đạt bằng giỏi và bằng xuất sắc tăng đột biến theo từng

năm học. Tuy màu bằng thay đổi nhưng cơ hội việc làm của SV lại vô cùng chấp chới. Khi bằng giỏi đã đến mức đại trà và bằng xuất sắc không còn là của hiếm nữa thì việc một SV ra trường sở hữu tấm bằng xuất sắc mà không xin được việc lại là chuyện rất bình thường. Tuy nhiên cũng phải nói thêm rằng, việc xin được việc làm nhiều khi không phải do màu bằng quyết định.

Chúng tôi đưa ra một vài con số thống kê tại một khoa lớn ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để thấy rằng việc tăng lên về kết quả đầu ra không tỉ lệ thuận với cơ hội việc làm cho sinh viên. Từ năm 2001-2009, SV Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ra trường với bằng đạt loại giỏi đều có cơ hội việc làm rất tốt. Có SV chọn ở lại Trường làm công tác giảng dạy, nghiên cứu; có SV về giảng dạy tại các trường phổ thông nổi tiếng của Hà Nội hoặc các trường chuyên, trường năng khiếu của tỉnh. Trong mấy chục năm đào tạo theo niên chế, Khoa Ngữ văn chỉ duy nhất có một SV đạt điểm xuất sắc khi ra trường. Từ 2009 chương trình đào tạo thay đổi từ *đào tạo theo niên chế* sang *đào tạo theo tín chỉ* với những quy định về thang đánh giá mới đã làm cho điểm của SV tốt nghiệp ra trường vọt lên với một tốc độ chóng mặt. Nếu như phải đến mấy chục năm khoa Ngữ văn mới có một bằng xuất sắc thì chỉ trong hai năm 2015, 2016 khoa Ngữ văn đã có tới 29 SV ra trường với điểm tổng kết bốn năm học đạt loại xuất sắc. Trong đó, năm 2015 là 6 và năm 2016 là 23. Tuy nhiên, nếu như năm 2015 cả 6 SV có bằng xuất sắc ngay sau khi ra trường đều có việc làm tại Hà Nội thì năm 2016 trong số 23 SV tốt nghiệp loại xuất sắc có SV hiện nay vẫn không có việc làm ổn định. Những con số này không đại diện cho một trường đại học hay cả hệ thống giáo dục đại học nhưng nó thực sự đem lại những suy nghĩ về thang đánh giá, về chuẩn đầu ra cho SV.

2.4. Chương trình chủ yếu quan tâm đến đầu vào, chưa quan tâm đúng mức đến thực tế đầu ra cho SV

Hội thảo khoa học Quốc gia đào tạo GV tại các trường đại học đa ngành, đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay vừa công bố (nguồn), tính đến năm 2020, dự kiến Việt Nam sẽ thừa khoảng 70.100 SV sư phạm tốt nghiệp (41.000 GV tiểu học, 12.200 cấp THCS và 16.900 cấp THPT). Có con số này bởi trên thực tế có quá nhiều trường đào tạo GV, 7 trường sư phạm trọng điểm chỉ tiêu đào tạo chưa đến 10.000,

còn lại phần lớn chỉ tiêu là các trường sư phạm địa phương, thậm chí là của các trường dân lập, tư thục. Các trường sư phạm trọng điểm có điểm đầu vào cao, các trường của địa phương, dân lập hay tư thục có điểm đầu vào thấp nhưng điều quan trọng là đối với các trường là tuyển sinh được bao nhiêu, có đủ chỉ tiêu hay không còn thực tế ra trường thì bằng sư phạm của trường nào cấp cũng như nhau không hề có sự phân cấp về chất lượng cao hay thấp một cách rõ ràng, minh bạch. Chính vì điều này, việc học ở các trường đại học sư phạm trọng điểm chưa chắc đã đảm bảo cơ hội việc làm hơn học ở các trường đại học địa phương bởi địa phương cũng có những chính sách ưu tiên riêng đối với SV là người địa phương do họ đào tạo ra. Có SV đã đổ vào Trường Đại học Sư phạm Hà Nội nhưng sau khi nhập học lại rút hồ sơ về một số trường “đại học địa phương” vì có cam kết sau khi học xong sẽ đảm bảo việc làm ổn định.

Việc khủng hoảng thừa đối với ngành sư phạm đặt ra hai vấn đề: 1) Đó là sự thiếu đồng bộ trong quy hoạch GV của các cấp quản lí; 2) Là sự thiếu trách nhiệm với sản phẩm do mình đào tạo ra của các trường sư phạm. Việc khảo sát về cơ hội việc làm của SV một năm sau khi ra trường được các trường thực hiện một cách chiếu lệ, các con số khảo sát cũng không được công bố bởi nếu công bố sẽ ảnh hưởng đến kết quả tuyển sinh của năm kế tiếp. Niềm tự hào của các trường là tuyển sinh đủ chỉ tiêu, điểm đầu vào các ngành là bao nhiêu cao hơn hay thấp hơn năm trước, cao hơn hay thấp hơn trường bạn đào tạo cùng chuyên ngành, các báo cáo đào tạo hàng năm cũng chủ yếu chú ý đến những thông số này. Rất ít hay có thể nói là không có những báo cáo về con số SV tốt nghiệp ra trường hàng năm có việc làm ổn định là bao nhiêu. Để cập về việc này, chúng tôi đã có cuộc trao đổi với giáo sư Bea của Trường Đại học PuSan (Hàn Quốc) và được biết ở Hàn Quốc, đối với mỗi SV ra trường sau một năm có việc làm, có xác nhận của cơ quan công tác thì trường đại học đó sẽ được nhà nước hỗ trợ một khoản kinh phí và việc này là rất công khai và minh bạch. Uy tín của các trường, của các ngành học trong một trường đại học cũng phụ thuộc rất nhiều vào số lượng SV ra trường có việc làm, và việc này được đánh giá xếp loại hàng năm. Như vậy, có thể thấy trong khi chúng ta chưa công bố kết quả đầu ra thì họ công khai minh bạch. Hơn thế nữa, trong khi chúng ta có gắng để xin nhiều chỉ tiêu thì họ lại xin giảm, bởi khi chỉ tiêu giảm

thì tỉ lệ SV ra trường có việc làm lại tăng cao và điều đó đối với họ mới thực sự quan trọng.

3. Kết luận

Có rất nhiều vấn đề đặt ra đối với giáo dục đại học nói riêng và ngành giáo dục nói chung. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi đề cập đến một vấn đề rất nhỏ nhưng có thể gợi nhiều suy nghĩ. Trên thực tế hiện nay các trường đại học dân lập, tư thục như Đại học Đông Đô, Đại học FPT... đã có những thay đổi trong chương trình đào tạo để phù hợp với nhu cầu của xã hội. Các trường đại học công lập, các trường đào tạo ngành sư phạm cần phải thay đổi những gì để đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của xã hội? Phải chăng, đã đến lúc cần phải dạy cho SV cái SV cần, cái xã hội cần mà không phải là dạy cho họ cái chúng ta có, chúng ta đã chuẩn bị? Và hơn thế nữa, chúng ta phải làm sao để biến cái chúng ta có trở thành cái SV cần, xã hội cần. Khi đó, chắc chắn chất lượng đào tạo trong các trường đại học sư phạm sẽ có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Bài toán quy hoạch giáo dục có lẽ còn khó hơn gấp nhiều lần bài toán quy hoạch trong xây dựng là như vậy! □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (1999). *Quyết định số 15/1999/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT: Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT Về việc đẩy mạnh hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trong các trường sư phạm.*
- [2] Bộ GD-ĐT (2006). *Chương Trình giáo dục phổ thông: Chương trình môn Ngữ văn.* NXB Giáo dục.
- [3] Bộ GD-ĐT (2011). *Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam từ 2011-2020 (dự thảo lần 26).*
- [4] Hoàng Hoà Bình (2008). *So sánh chương trình dạy học môn tiếng mẹ đẻ của một số nước.* Đề tài cấp Bộ - Mã số B2005 - 80-16;
- [5] Cho Jae Hyun - Bùi Mạnh Hùng (2008). *Sách giáo khoa Ngữ văn của Hàn Quốc và kinh nghiệm đối với Việt Nam.* Tạp chí Ngôn Ngữ và Đời sống, số 2 (158).
- [6] Đỗ Ngọc Thống (2011). *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Nguyễn Minh Thuyết (2012). *Sách giáo khoa phổ thông nước ngoài và một số kinh nghiệm cho Việt Nam.* Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 80-81.
- [8] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2012). *Chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm Ngữ văn.*
- [9] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2014). *Chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm Ngữ văn.*